

Số: 15 /2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006:

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hành nghề chứng khoán.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Bộ, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, người hành nghề chứng khoán, các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Website Bộ Tài chính;
- Sở GD&ĐT; Trung tâm GD&ĐT; Trung tâm LK&ĐT;
- Lưu: VT, UBCKNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Xuân Hà**

**QUY CHẾ**

**HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC  
ngày 27 tháng 03 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và các quy định liên quan đến người hành nghề chứng khoán, đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán trên lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. *Người hành nghề chứng khoán* là người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đang làm việc tại các vị trí nghiệp vụ chuyên môn trong công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

2. *Chứng chỉ hành nghề chứng khoán* là văn bằng xác nhận người có tên trong chứng chỉ đáp ứng đủ điều kiện làm việc tại các vị trí nghiệp vụ chuyên môn trong công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. *Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán* là văn bằng xác nhận người có tên trong chứng chỉ đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công chứng, chứng thực.

5. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định của Quy chế này, có nội dung được kê khai đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

6. *Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng* là kinh nghiệm làm việc chuyên môn tại các bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; các vị trí chuyên môn nghiệp vụ, tài chính, kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán.

## Chương II

# CẤP, ĐỔI, THU HỒI VÀ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

### **Điều 3. Các loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm các loại sau:

1. Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán;
2. Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính;
3. Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

### **Điều 4. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

1. Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán được cấp cho cá nhân đáp ứng được các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Chưa từng bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc đã chấp hành xong quyết định xử phạt sau một (01) năm, trong trường hợp bị xử phạt.

c) Có trình độ đại học trở lên;

d) Đạt yêu cầu trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp;

đ) Có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm: Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích và Đầu tư chứng khoán, Chứng chỉ Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính được cấp cho cá nhân đáp ứng được các điều kiện sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có các chứng chỉ chuyên môn: Chứng chỉ Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

3. Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng được các điều kiện sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có chứng chỉ chuyên môn Quản lý quỹ và tài sản;

c) Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoại trừ những trường hợp đã có chứng chỉ quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst), CIIA (Certified International Investment Analyst), ACCA

(Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants) hoặc đã có bằng thạc sỹ kinh tế, tài chính - kế toán, ngân hàng, chứng khoán tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính - kế toán, ngân hàng, chứng khoán tại các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cần có tối thiểu một (01) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

4. Những người có các văn bằng, chứng chỉ sau đây được miễn giảm một hoặc một số chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này:

a) Bằng Tiến sỹ kinh tế, chứng chỉ quốc tế CIIA (Certified International Investment Analyst) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II) trở lên, được miễn giảm Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán; Chứng chỉ Phân tích và Đầu tư chứng khoán; Chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

b) Bằng thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ quốc tế ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), chứng chỉ CPA (Certified Public Accountants) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi CFA bậc I (Chartered Financial Analyst level I) được miễn giảm Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

c) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đã được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài được miễn giảm tất cả chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, ngoại trừ Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

#### **Điều 5. Hồ sơ, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số I Quy chế này);

b) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu quy định tại Phụ lục số II Quy chế này) có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương nơi cá nhân đó cư trú hoặc tổ chức nơi cá nhân đó đang làm việc trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

c) Phiếu Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ, kèm theo bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

d) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sỹ, tiến sỹ;

đ) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đã được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài (nếu có);

e) Bản sao hợp lệ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các văn bằng được phép miễn giảm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;

g) Kết quả thi sát hạch phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp;

h) Hai (02) ảnh 4x6 chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

i) Trường hợp đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, hồ sơ phải bổ sung tài liệu do tổ chức có thẩm quyền xác nhận, chứng minh người đề nghị cấp chứng chỉ đã có đủ năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng (trừ các trường hợp được miễn giảm) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

2. Đối với người nước ngoài, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều này;

b) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu quy định tại Phụ lục số II Quy chế này) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó mang quốc tịch trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được lập thành một (01) bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không được hoàn lại, kể cả trường hợp không được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Trường hợp các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này viết bằng tiếng nước ngoài, các tài liệu này phải lập thành hai (02) bản: một (01) bản bằng tiếng nước ngoài – bản sao tài liệu gốc; một (01) bản bằng tiếng Việt và được cơ quan công chứng hoặc cơ quan có chức năng dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam xác nhận (riêng đối với những người mang quốc tịch nước ngoài, các tài liệu nói trên phải được hợp pháp hoá lãnh sự trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ).

4. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho người đề nghị (theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Quy chế này). Trường hợp từ chối,

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ có giá trị sử dụng khi người được cấp chứng chỉ làm việc tại vị trí nghiệp vụ chuyên môn của một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và được công ty đó thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp không thời hạn, trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

### **Điều 6. Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

1. Người hành nghề chứng khoán được phép chuyển đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với vị trí làm việc chuyên môn, nếu đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

2. Hồ sơ đề nghị đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số IV Quy chế này);

b) Sơ yếu lý lịch quy định tại điểm b khoản 1 (đối với người Việt Nam) hoặc điểm b khoản 2 (đối với người nước ngoài) Điều 5 Quy chế này;

c) Bản sao hợp lệ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị được cấp đổi;

d) Kết quả thi sát hạch phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị được cấp đổi;

đ) Hai (02) ảnh 4x6 chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

e) Trường hợp đề nghị cấp đổi sang Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, hồ sơ phải bổ sung tài liệu theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

### **Điều 7. Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

1. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng các điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này;

b) Vi phạm các quy định tại Điều 9, khoản 1 và khoản 3 Điều 81 Luật Chứng khoán;

c) Không hành nghề chứng khoán trong ba (03) năm liên tục.

2. Người hành nghề chứng khoán bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

### **Điều 8. Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

1. Đối với những trường hợp đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán, người đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sẽ phải tuân thủ các điều kiện về hồ sơ, thủ tục như việc cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán lần đầu, kèm theo giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số V Quy chế này).

2. Đối với những trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi các thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán (như giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, quốc tịch....), hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số V Quy chế này);

b) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

c) Hai (02) ảnh 4x6 chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ.

### **Điều 9. Lệ phí cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán**

Người hành nghề chứng khoán được cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

## **Chương III**

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ TỔ CHỨC THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN**

### **Điều 10. Chương trình đào tạo các khoá học chuyên môn về chứng khoán**

1. Các khoá học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm:

a) Khoá học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Khoá học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Khoá học Phân tích và đầu tư chứng khoán;

d) Khoá học Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;

đ) Khoá học Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán;

e) Khoá học Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

g) Khoá học Quản lý quỹ và tài sản.

2. Các khoá học quy định tại khoản 1 Điều này do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc do

một số cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tổ chức.

3. Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán sẽ do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho những thí sinh đạt yêu cầu sau khi hoàn thành khoá học (bao gồm cả khoá học do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tổ chức).

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn giáo trình và chương trình đào tạo các khoá học theo khoản 1 Điều này và chỉ đạo Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán, các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện chương trình đào tạo các khoá học chuyên môn về chứng khoán.

5. Những người có các văn bằng sau đây được miễn tham gia các khoá học nhưng phải tham gia thi để được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, cụ thể như sau:

- a) Bằng cử nhân kinh tế được miễn học khoá học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Bằng cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ luật được miễn học khoá học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 11. Tổ chức thi sát hạch**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính về việc tổ chức kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán định kỳ tối thiểu hai (02) lần trong một (01) năm hoặc theo nhu cầu của thị trường.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

### **Điều 12. Đối tượng dự thi sát hạch**

Người Việt Nam, người nước ngoài có nhu cầu được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán để hành nghề chứng khoán trên lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

### **Điều 13. Điều kiện dự thi sát hạch**

1. Người dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải có đủ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các văn bằng được phép miễn

giảm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đăng ký dự thi sát hạch theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;

2. Đối với người nước ngoài đã có chứng chỉ chuyên môn về thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh đã được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài thì chỉ cần thi sát hạch pháp luật về chứng khoán của Việt Nam.

#### **Điều 14. Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch**

Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

1. Giấy đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VI Quy chế này).
2. Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực;
3. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu quy định tại Phụ lục số II Quy chế này) có xác nhận của cơ quan chính quyền địa phương nơi cá nhân đó cư trú hoặc tổ chức nơi cá nhân đó đang làm việc trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi;
4. Hai (02) ảnh 4x6 chụp trong vòng sáu (06) tháng gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi, hai (02) phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận thông báo thi và kết quả thi.

#### **Điều 15. Kết quả thi sát hạch**

Trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi sát hạch, nếu những người đã đạt kỳ thi sát hạch không làm thủ tục đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, kết quả thi sát hạch sẽ không còn giá trị.

#### **Điều 16. Lệ phí dự thi sát hạch**

Thí sinh đăng ký dự thi sát hạch phải nộp lệ phí thi theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **Chương IV**

## **NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN**

#### **Điều 17. Nguyên tắc hành nghề**

1. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán được hành nghề môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính được hành nghề môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Người được cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được hành nghề môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài sản.

4. Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được làm việc tại một (01) vị trí nghiệp vụ chuyên môn trong một (01) thời điểm.

5. Trong một công ty chứng khoán, Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải có Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ. Các Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Giám đốc chi nhánh, Phó Giám đốc chi nhánh phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với khối công việc mình quản lý.

### **Điều 18. Trách nhiệm của người hành nghề chứng khoán**

Người hành nghề chứng khoán làm việc tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ các quy định tại Điều 81 Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

3. Thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm nhất là năm (05) ngày làm việc sau khi phát hiện bị mất chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc thay đổi các thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại phụ lục số VII Quy chế này).

### **Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán**

Đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm sau:

1. Bố trí, sử dụng người hành nghề chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp.

2. Giám sát người hành nghề chứng khoán bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau khi phát hiện người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật, kèm theo biên bản phát hiện vi phạm hoặc sau khi người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với công ty (theo mẫu quy định tại phụ lục số VIII Quy chế này) kèm theo bản

sao hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng (đối với trường hợp tuyển dụng) và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (đối với trường hợp nghỉ việc).

4. Người đại diện theo pháp luật của các đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu vào phụ lục đính kèm chứng chỉ hành nghề chứng khoán, ngay sau khi người hành nghề chứng khoán được tiếp nhận làm việc hoặc nghỉ việc tại công ty.

5. Chậm nhất là ngày 20 tháng 01 hàng năm, các đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước về danh sách nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đang làm việc tại công ty (theo mẫu quy định tại phụ lục số IX Quy chế này).

#### **Điều 20. Chế tài áp dụng đối với người hành nghề chứng khoán và đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán**

Người hành nghề chứng khoán và đơn vị sử dụng người hành nghề chứng khoán vi phạm Quy chế này sẽ bị xử phạt theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Nguyên tắc xử lý đối với các chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán và chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán cấp trước ngày Quy chế này có hiệu lực**

1. Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo quy định tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ vẫn có hiệu lực theo thời hạn ghi trong chứng chỉ nhưng không quá ngày 31/12/2009. Những người hành nghề chứng khoán đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP phải tham gia thi sát hạch để cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại Quy chế này trước ngày 31/12/2009. Trường hợp người hành nghề chứng khoán trên chuyển sang làm việc tại vị trí nghiệp vụ chuyên môn cho một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác trước thời hạn 31/12/2009, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận đủ điều kiện hành nghề chứng khoán kể từ ngày chính thức chuyển công ty cho đến 31/12/2009.

2. Sau khi người hành nghề chứng khoán nêu tại khoản 1 Điều này chuyển sang làm việc cho tổ chức khác hoặc được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán mới theo quy định tại Quy chế này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thu hồi

chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán cũ (đã được cấp theo quy định tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ).

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước áp dụng chương trình đào tạo mới về nghiệp vụ chuyên môn chứng khoán (bao gồm 7 khoá học theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này) trước ngày 01/01/2009. Trước thời hạn này, những người có đủ ba (03) chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán (Chứng chỉ Cơ bản về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Chứng chỉ Luật áp dụng trong ngành chứng khoán, Chứng chỉ Phân tích và Đầu tư chứng khoán) hoặc những người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP và đang làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán được phép tham gia thi sát hạch và được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại Quy chế này.

4. Những đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này phải tham gia và hoàn thành các khoá học để bổ sung chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề của mình theo quy định tại Điều 4 Quy chế này trong vòng hai (02) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước áp dụng chương trình đào tạo mới.

#### **Điều 22. Điều khoản thi hành**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Bộ Trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Xuân Hà**